

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	385.78 ↓	-0.41	-0.11%
KLGD (triệu ck)	41.23 ↓	-1.10	-2.60%
GTGD (tỷ đồng)	539.58 ↓	-105.64	-16.37%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↓	-105.35	-66.27%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↓	-52.06	-44.84%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.80 ↓	-1.36	-43.13%
KL bán (triệu ck)	3.70 ↑	1.07	40.81%
Giá trị mua (tỷ đồng)	47.96 ↓	-30.91	-39.19%
Giá trị bán (tỷ đồng)	82.66 ↑	21.02	34.11%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	417	***
Kháng cự 2	430	*
Kháng cự 3	460	***
Hỗ trợ 1	393	***
Hỗ trợ 2	330	****
Hỗ trợ 3		

* Yếu

** Trung Bình

*** Mạnh

**** Rất mạnh

Công Ty CPOK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999



Tin đáng chú ý:

- Từ 18h00 chiều nay một số đầu mối sẽ tăng giá xăng dầu bán lẻ: xăng A92 và A95 cùng tăng 700 đồng/lít, dầu hỏa, dầu diesel tăng 400 đồng/lít
- Moody's đã hạ xếp hạng phát hành nợ bằng đồng nội tệ và ngoại tệ dài hạn của ACB từ B1 xuống B2.
- JP Morgan cũng đưa ra khuyến nghị mua vào đối với các cổ phiếu thuộc ngành hàng tiêu dùng, dược phẩm, cơ sở hạ tầng cùng với cổ phiếu của 1 số công ty thuộc lĩnh vực xuất khẩu.

Nhận định thị trường:

Phiên giao dịch hôm nay, áp lực bán trên thị trường đã suy giảm rõ rệt, tuy nhiên bên mua cũng tỏ ra thận trọng. Về mặt kĩ thuật, VN-Index đang dao động trong khoảng 330 – 393 điểm và HNX-Index dao động trong vùng tương ứng là 55 – 65 điểm. Trong trường hợp sức cầu không có sự cải thiện mạnh và thanh khoản thị trường vẫn thấp trong những phiên sắp tới thì NĐT nên giao dịch tăng/giảm tỷ lệ cổ phiếu tương ứng theo vùng dao động nêu trên đối với chỉ số hai sàn, đồng thời cần hạn chế việc bán cổ phiếu với giá thấp.

HNX:**Nhận định thị trường:****Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	59.73 ↓	-0.58	-0.96%
KLGD (triệu ck)	31.67 ↓	-3.30	-9.43%
GTGD (tỷ đồng)	279.16 ↓	-41.20	-12.86%
Tổng cung (triệu ck)	45.18 ↓	-12.89	-22.19%
Tổng cầu (triệu ck)	46.70 ↑	14.18	43.62%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.79 ↓	-0.58	-42.58%
KL bán (triệu ck)	0.67 ↓	-0.88	-56.90%
Giá trị mua (tỷ đồng)	11.91 ↓	-11.09	-48.21%
Giá trị bán (tỷ đồng)	7.16 ↓	-8.67	-54.77%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	68.3	***
Kháng cự 2	72	***
Kháng cự 3	85	****
Hỗ trợ 1	65	***
Hỗ trợ 2	60	***
Hỗ trợ 3	54.5	****

* Yếu

** Trung Bình

*** Mạnh

**** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 10 phiên	32,781,000
Bình quân 25 phiên	35,600,000
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	32,369,000



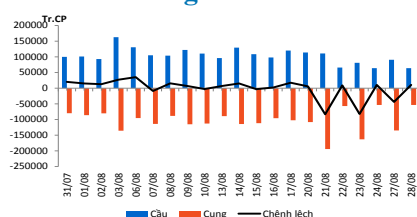
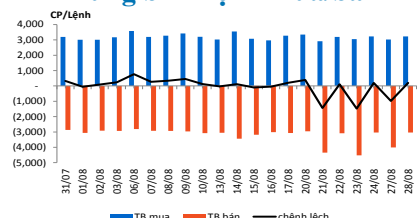
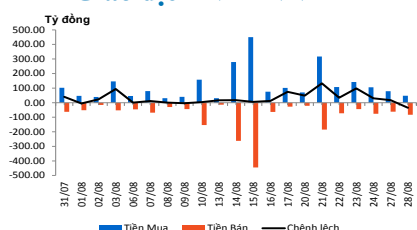
Đồ thị HNX-Index.

Nhận định diễn biến sàn Hà Nội:

Sự sụt giảm mạnh những phiên trước đưa chỉ số vào trạng thái Quá Bán về mặt kĩ thuật, thể hiện qua các công cụ sức mạnh xu thế như RSI, Bollinger bands... theo đó có khả năng xuất hiện sự phục hồi nhẹ.

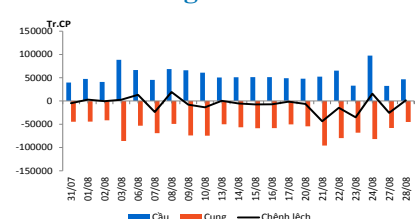
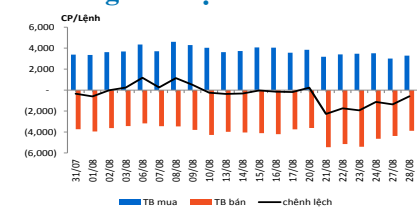
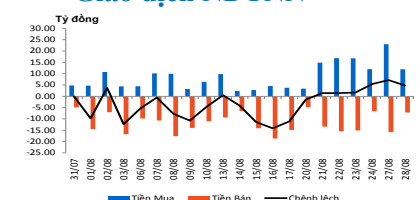
Thanh khoản thị trường vẫn duy trì mức thấp khi <50 triệu đơn vị mỗi phiên, công cụ dòng tiền MFI tiếp tục giảm, cho thấy chưa có cải thiện đáng kể sức cầu tham gia thị trường.

HNX-Index dao động trong vùng 55 – 65 điểm với ngưỡng 65 điểm hiện trở thành một ngưỡng kháng cự ngắn hạn. Nếu thanh khoản thị trường không có sự cải thiện mạnh, NĐT nên giảm tỷ lệ cổ phiếu nếu chỉ số tiến sát tới vùng kháng cự này, đồng thời nên dừng việc bán ra nếu như HNX-Index tiếp tục giảm về sát vùng 55 điểm.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Đợt khớp lệnh đầu tiên, thị trường vẫn ảm đạm khi Vn-Index giảm 5,13 điểm tương đương với -1,32% xuống mức 381,06 điểm. Thanh khoản toàn HSX chỉ đạt 55 tỷ đồng. Kết phiên giao dịch buổi sáng, VN-Index mất 5.7 điểm, tương ứng 1.48% nằm ở 380.49 điểm. Nhìn chung áp lực bán đã giảm rõ rệt, tuy nhiên sức cầu tham gia thị trường còn yếu, nhà đầu tư tỏ ra dè dặt và thận trọng.

Phiên giao dịch buổi chiều, thị trường có chiều hướng tích cực hơn khi dòng tiền tham gia gia tăng đáng kể. Điều đó giúp VN-Index thu ngắn khoảng cách giảm chỉ còn giảm 0.41 điểm vào cuối phiên (0.11%) về 385.78 điểm. Giao dịch dù được đẩy mạnh hơn vào cuối buổi nhưng không đủ làm cho thanh khoản đột biến mà chỉ đạt 41.22 triệu đơn vị, tương đương 540 tỷ đồng, giảm đáng kể so với các phiên trước.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Trên HNX, VND, VND, SHB, PGS, PVS, PVG... mở cửa tăng giá nhẹ, các mã khác cũng chỉ giảm nhẹ. Áp lực bán giảm đi rõ rệt. SCR, KLS lần lượt quay về mốc tham chiếu. Thanh khoản hai sàn sau 25 phút mở cửa đạt trên 11 triệu đơn vị, trị giá khoảng 130 tỷ đồng. Tổng cộng có 120 mã giảm giá, 80 mã tăng và phần còn lại đứng yên. Cuối buổi sáng, HNX-Index giảm 1.02 điểm, tức - 1.69% xuống 59.26 điểm.

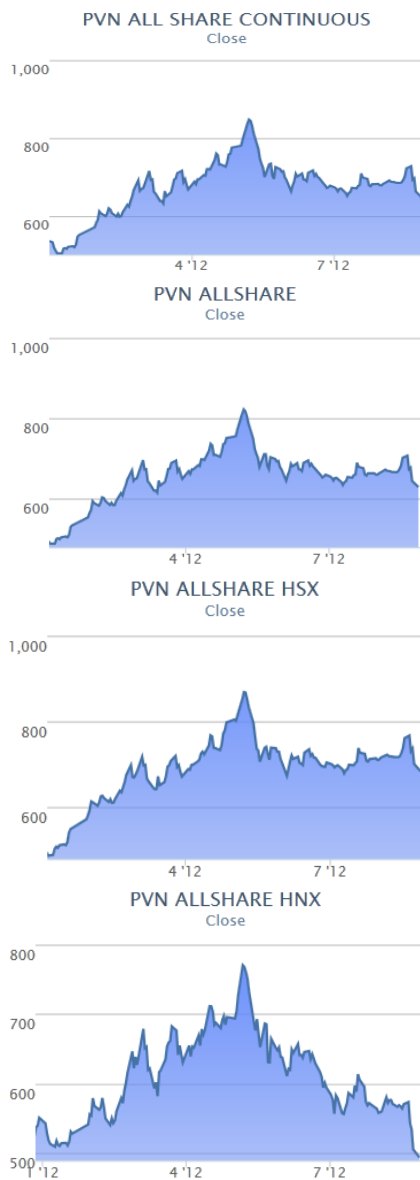
Trái ngược với diễn biến thận trọng ở buổi sáng, phiên giao dịch buổi chiều thị trường có phần nghiêng về phía người mua khi lực cầu bắt đáy được đẩy mạnh. Một số cổ phiếu có tính đầu cơ mạnh như VND, PGS, PVG, PVS lực mua khá mạnh giúp các cổ phiếu này đều kết phiên ở sắc xanh. HNX-Index kết phiên giảm nhẹ 0.58 điểm, tương ứng -0.96% và đóng cửa tại 59.73 điểm. Khối lượng giao dịch chỉ đạt hơn 31.67 triệu đơn vị, giá trị giao dịch đạt 279.16 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

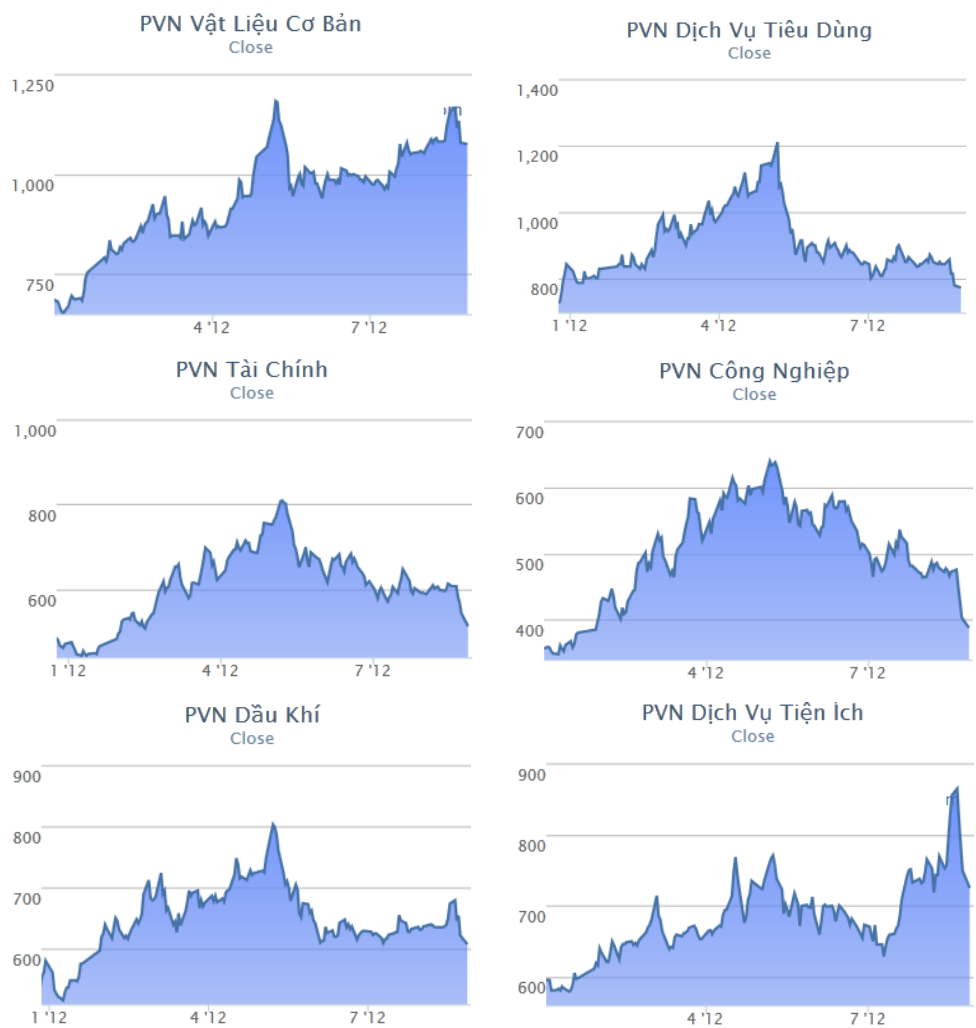
www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	727.37	↑ 3.76	↑ 0.52
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	653.32	↑ 7.03	↑ 1.09
PVN ALLSHARE	636.32	↑ 6.81	↑ 1.08
PVN ALLSHARE HNX	501.14	↑ 6.92	↑ 1.4
PVN ALLSHARE HSX	691.69	↑ 7.18	↑ 1.05
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1078.26	↑ 2.9	↑ 0.27
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	788.73	↑ 14.08	↑ 1.82
PVN Tài Chính	498.64	↓ 14.68	↓ -2.86
PVN Công Nghiệp	379.27	↓ 8.56	↓ -2.21
PVN Dầu Khí	618.93	↑ 11.65	↑ 1.92
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	722.42	↓ 2.46	↓ -0.34

Chỉ số Ngành



Chỉ số PVN 10



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 mã cổ phiếu đứng giá, 13 mã tăng giá và 11 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này chỉ còn giảm 0,11% và tổng khối lượng giao dịch đạt 9,175 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 28/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,000.0	3,800	↓ -5.66	0.44	13.51	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,800.0	14,000	→ 0.00	0.28	25.45	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	3,300.0	149,100	↓ -2.94	0.19	0.32	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,200.0	568,000	↑ 1.18	1.41	1.15	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,300.0	7,400	↑ 4.29	0.68	4.62	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	→ 0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,400.0	241,900	↓ -2.22	0.44	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,900.0	69,700	↑ 2.38	0.77	1.93	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,300.0	4,900	→ 0.00	1.63	4.25	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	9,800.0	155,300	↑ 3.16	0.63	7.05	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,300.0	32,200	↑ 0.66	0.66	7.73	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	4,300.0	200	↑ 4.88	0.41	2.02	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14,700.0	1,079,700	↑ 5.00	1.24	3.93	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6,400.0	3,436,545	↓ -3.03	0.28	2.41	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,300.0	144,670	↑ 1.86	3.09	12.28	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,200.0	545,230	↑ 0.27	2.22	6.01	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	25,700.0	31,450	↑ 1.58	1.18	3.13	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,200.0	30,990	↑ 3.33	0.53	4.53	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,200.0	48,750	↑ 1.82	0.64	2.76	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	36,600.0	183,160	→ 0.00	1.79	5.17	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,600.0	215,420	↓ -2.70	0.35	2.79	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	32,700.0	183,620	↑ 0.62	1.10	6.42	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	9,500.0	1,428,040	↓ -5.00	0.83	12.03	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,300.0	301,490	↓ -2.27	0.44	39.09	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,200.0	82,200	↓ -1.89	0.50	3.47	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3,900.0	38,520	↓ -2.50	0.35	2.03	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,100.0	176,940	↓ -2.15	0.69	2.73	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,000.0	2,330	↓ -3.85	0.46	3.29	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
EB	16,900	16,100	-4.73	26,942,122
HAG	25,900	24,700	-4.63	22,336,387
BVH	33,400	31,800	-4.79	21,556,427
SSI	18,100	18,100	0.00	24,057,671
DPM	37,100	37,200	0.27	20,032,176

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	9,400	9,600	2.13	45,430
SVN	41,800	41,800	0.00	24,433
PVX	6,600	6,400	-3.03	21,643
KLS	8,500	8,500	0.00	18,595
SCR	7,100	6,900	-2.82	16,672

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DHG	70,000	73,500	3,500	5.00
BTT	20,500	21,500	1,000	4.88
PNJ	28,800	30,200	1,400	4.86
PTB	12,400	13,000	600	4.84
PGC	10,400	10,900	500	4.81

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
LTC	4,300	4,600	300	6.98
VC2	8,700	9,300	600	6.90
FDT	21,900	23,400	1,500	6.85
VHL	16,200	17,300	1,100	6.79
SAP	14,800	15,800	1,000	6.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PVF	10,000	9,500	-500	-5.00
HHS	34,400	32,700	-1,700	-4.94
PTC	6,100	5,800	-300	-4.92
CLG	6,100	5,800	-300	-4.92
ITC	8,200	7,800	-400	-4.88

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TST	4,300	4,000	-300	-6.98
D11	12,900	12,000	-900	-6.98
HHG	2,900	2,700	-200	-6.90
INC	4,400	4,100	-300	-6.82
VCM	14,900	13,900	-1,000	-6.71

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
FPT	7,683	MPC	11,232
VIC	5,241	STB	9,115
DPM	3,671	BVH	7,767
STB	3,428	FPT	7,695
DRC	3,332	EB	4,315

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	3,789	VCG	1,109
PVS	3,753	AAA	1,028
LAS	1,391	VNR	871
HDO	810	SDT	615
VC1	604	PVS	563

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339